

Số: 113/BB-QLKH

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 6 năm 2026

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

A. Thông tin chung:

1. Tên đề tài: Chuyển đổi số mô hình phụ nữ phát triển kinh tế góp phần tạo sinh kế, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh số 207/QĐ-SKHCN ngày 23/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

3. Địa điểm và thời gian:

- Địa điểm: Phòng họp tầng 2, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian: Từ 09h30 đến 11h30 ngày 03/6/2026 (Thứ Tư).

4. Số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt trên tổng số thành viên: 07/07 người.

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
1	ThS. Hoàng Văn Thiên	Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Thị Thủy	Phó Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Phó Chủ tịch
3	PGS. TS. Đỗ Thị Thúy Phương	Phó hiệu trưởng, Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh-Đại học Thái Nguyên	Ủy viên, phản biện 1
4	TS. Đỗ Đình Cường	Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền Thông-Đại học Thái Nguyên	Ủy viên, Phản biện 2
5	TS. Hà Quang Trung	Trưởng khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn-Trường Đại học nông lâm-Đại Học Thái nguyên	Ủy viên
6	ThS. Vũ Văn Yên	Phó giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên	Ủy viên

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
7	ThS. Tạ Đức Hiện	Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Ủy viên

(Thư ký hành chính: ThS. Lê Đào Duy Thắng - Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên)

5. Đại biểu tham dự

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Triệu Thị Huệ	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	
2	Nguyễn Văn Dẫn	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	
3	Nông Thị Noi	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	
4	Lê Thị Thu An	Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên	
5	Hứa Thị Châu Giang	Viện Hỗ trợ phụ nữ sáng tạo và Sinh kế số	
6	Ngô Cẩm Tú	Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông- Đại học Thái Nguyên	
7	Nguyễn Trọng Uyển	Viện Kinh tế và Phát triển	
8	Đặng Thị Thúy Phương	Ban Công tác Phụ nữ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên	
9	Trần Lâm	VNPT Thái Nguyên	
10	Lê Quang Huy	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Thái Nguyên	

6. Hội đồng nhất trí cử ông Tạ Đức Hiện là Thư ký khoa học của Hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng:

1. Ông Tạ Đức Hiện - Ủy viên, Thư ký Khoa học thông qua Quyết định số 207/QĐ-SKHCN ngày 23/5/2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc, chương trình làm việc.

3. Các ủy viên phản biện trình bày nhận xét, các ủy viên hội đồng nhận xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (có chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

4. Thư ký khoa học ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản cuộc họp.

C. Bỏ phiếu đánh giá:

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: ThS. Tạ Đức Hiện;
- Thành viên: PGS. TS. Đỗ Thị Thúy Phương;
- Thành viên: TS. Hà Quang Trung.

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký:

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Biên bản kiểm phiếu và Bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu: 07/07 thành viên của Hội đồng đã bỏ phiếu, số điểm trung bình là **80,0 điểm**. Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài nêu trên như sau:

Tên tổ chức: Viện Hỗ trợ phụ nữ sáng tạo và Sinh kế số.

Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: TS. Phạm Thị Thu Thủy.

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi (có chi tiết tại phụ lục kèm theo):

(1) Tên nhiệm vụ: Không

(2) Mục tiêu nhiệm vụ:

Rà soát, viết gọn lại mục tiêu theo đặt hàng của UBND tỉnh (Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2026 (đợt 2)).

(3) Các nội dung chính thực hiện:

Rà soát lại nội dung theo cấu trúc nhiệm vụ đặt hàng, bảo đảm với yêu cầu đã phê duyệt.

(4) Sản phẩm của nhiệm vụ:

Rà soát sản phẩm theo đúng cấu trúc nhiệm vụ đặt hàng, bảo đảm so với yêu cầu đã phê duyệt.

(5) Số lượng chuyên gia cần thiết tham gia thực hiện: Không

(6) Phương thức khoán chi:

a) Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

b) Khoán chi từng phần ☒



2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ:

☒ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kết luận của Hội đồng:

Hội đồng thống nhất các nội dung chính như sau:

- Tên Đề tài: Chuyển đổi số mô hình phụ nữ phát triển kinh tế góp phần tạo sinh kế, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Mã số đề tài là: ĐT/XH/19/2026

- Thời gian thực hiện: 18 tháng

- Căn cứ kết quả đánh giá, hội đồng nhất trí lựa chọn tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt:

+ Tên tổ chức chủ trì: Viện Hỗ trợ phụ nữ sáng tạo và Sinh kế số.

+ Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: TS. Phạm Thị Thu Thủy.

- Đề nghị Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia tại các phiếu nhận xét và ý kiến phát biểu của thành viên Hội đồng (tại phụ lục chi tiết kèm theo), trong đó có các nội dung chính như sau:

+ Rà soát các đầu mục của thuyết minh đề tài theo Biểu mẫu III.07-TM.ĐTXH của Thông tư 09/2024/TT-BKHCN; dự toán kinh phí theo biểu mẫu dự toán quy định tại Thông tư 36/2025.TT-BKHCN của Bộ KH&CN, định mức chi số 11/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

+ Rà soát lại mục tiêu, nội dung, sản phẩm theo đúng cấu trúc nhiệm vụ đặt hàng; bảo đảm không mở rộng quá mức so với yêu cầu đã phê duyệt nhưng vẫn đủ tính mới và tính ứng dụng.

+ Bổ sung cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và số liệu thực tiễn của tỉnh Thái Nguyên, nhất là số liệu về phụ nữ, hộ nghèo/cận nghèo, mô hình kinh tế do phụ nữ làm chủ, mức độ tham gia thương mại điện tử, kỹ năng số và nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi số.

+ Mô tả rõ hơn thiết kế kỹ thuật của nền tảng số, phạm vi tích hợp với các kênh bán hàng, phương án bảo mật dữ liệu, phương án vận hành sau nghiệm thu và trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận.

+ Hoàn thiện phương án khảo sát theo hướng khoa học, có tiêu chí chọn mẫu, phiếu khảo sát, phương pháp xử lý dữ liệu, chỉ số đánh giá trước và sau thử nghiệm.

+ Rà soát dự toán kinh phí theo từng nội dung, bảo đảm phù hợp với định mức hiện hành, tránh khoản chi chưa rõ căn cứ, đồng thời làm rõ sản phẩm tương ứng với từng khoản chi.

- Về khoản kinh phí: Thực hiện phương thức Khoán chi từng phần.

- Tổ chức chủ trì sửa lại thuyết minh, dự toán kinh phí cho phù hợp với yêu cầu của Hội đồng; bổ sung, làm rõ căn cứ lập dự toán, các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nếu có), các tài liệu minh chứng cho việc lập dự toán.

Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh theo quy định./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



ThS. Tạ Đức Hiện

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**




**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN
Nguyễn Thị Thủy**



Phụ lục**Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

*(Kèm theo Biên bản số 113/BB-QLKH ngày 03/6/2026 của Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ
đặt ký tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh)*

1. Ủy viên Phản biện 1: PGS. TS. Đỗ Thị Thúy Phương**a) Tổng quan tình hình nghiên cứu**

- Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài cần phải sắp xếp lại và bổ sung thêm các nội dung theo chủ đề nghiên cứu và từ khóa của đề tài: Chuyển đổi số trong phát triển kinh tế, chuyển đổi số mô hình phụ nữ phát triển kinh tế, sinh kế, xóa đói, giảm nghèo

- Tính cấp thiết của đề tài cần viết lại, nên có thêm các luận giải, số liệu thứ cấp đã được công bố để minh chứng cho sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài, cũng như tính cấp bách của vấn đề nghiên cứu:

+ Cần kết cấu lại nội dung 14.1: Nên đi từ các nghiên cứu nước ngoài; Các nghiên cứu trong nước và bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Thái Nguyên...

+ Bổ sung thêm các nghiên cứu ở nước ngoài: Mỹ, Châu Âu, Châu Á quá sơ sài, chưa chỉ ra các nội dung và kinh nghiệm cụ thể nhưng bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Thái Nguyên có nhiều nội dung không có cơ sở. Cần bổ sung thêm nội dung này: trình bày từng trường hợp cụ thể (địa phương nào? quốc gia nào? Họ đã làm được gì?,...), nên có số liệu minh chứng sẽ thuyết phục hơn.

+ Các nghiên cứu khoa học trong nước còn chung chung, thiếu tính thuyết phục, cần chuẩn bị lại nội dung này.

+ Các mục 14.1.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Thái Nguyên (trang 7); mục 14.1.4.3. khoảng trống nghiên cứu và định hướng phát triển mô hình (trang 10); mục 14.1.5.3. Khoảng trống và nhu cầu thực tiễn tại Thái Nguyên (trang 13) và mục 14.1.5.4. Nhận xét chung và định hướng nghiên cứu của đề tài (trang 14) cần sắp xếp lại tránh trùng lặp và thiếu tính khoa học.

b) Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

- Các nội dung nghiên cứu: Cần chi tiết hơn và phải dự kiến sản phẩm để tường minh các nội dung nghiên cứu và là cơ sở để xây dựng dự toán kinh phí cho phù hợp.

- Phương pháp nghiên cứu: Chưa chỉ ra được phương pháp chọn mẫu, phân tổ thống kê đối với các đối tượng nghiên cứu và các sản phẩm lựa chọn (Hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp do nữ làm chủ) đối với mô hình phụ nữ phát triển kinh tế,...

2. Ủy viên phản biện 2: TS. Đỗ Đình Cường**a) Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Bổ sung và phân tích sâu các mô hình tương tự đã triển khai trong nước và quốc tế; chưa có đánh giá so sánh giữa nền tảng số dự kiến xây dựng với các hệ sinh thái thương mại điện tử, nền tảng OCOP, nền tảng hỗ trợ khởi nghiệp hoặc các mô hình số của Hội Liên hiệp Phụ nữ đang được triển khai. Khoảng trống nghiên cứu và cơ sở khoa học để xây dựng một nền tảng số mới cần được làm rõ hơn.

b) Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

Bổ sung, làm rõ quy trình ứng dụng AI, bộ công cụ AI chuyên biệt hoặc các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả ứng dụng AI trong phát triển kinh tế của phụ nữ.

c) Sản phẩm khoa học và công nghệ

Bổ sung rõ hơn các tiêu chí kỹ thuật của nền tảng số, số lượng người dùng dự kiến, chỉ tiêu đánh giá hiệu quả khai thác, mức độ tương tác, tần suất sử dụng và các chỉ số đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội sau khi triển khai. Nội dung đào tạo sau đại học chưa phải là điểm mạnh nổi bật của đề tài.

d) Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống

Bổ sung, làm rõ phương án vận hành nền tảng sau khi kết thúc đề tài; cần xác định rõ đơn vị chịu trách nhiệm cập nhật dữ liệu, kinh phí duy trì hệ thống, cơ chế bảo trì và nâng cấp phần mềm trong giai đoạn tiếp theo. Đây là nội dung cần được bổ sung để bảo đảm tính bền vững của sản phẩm

e) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện

Làm rõ hơn cơ sở xây dựng dự toán đối với phần mềm, hạ tầng kỹ thuật, chi phí duy trì sau đề tài và hiệu quả đầu tư của nền tảng số so với các giải pháp hiện có.

f) Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia

Bổ sung, tăng cường thêm các chuyên gia chuyên sâu về thương mại điện tử, kinh tế số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng tư vấn, xây dựng và vận hành nền tảng

3. Ủy viên: TS. Hà Quang Trung

- Đề tài có tính cấp thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, có tính khả thi và không có sự trùng lặp.

- Thuyết minh đề tài đã làm rõ tính khoa học và thực tiễn, luận giải được các mục tiêu nghiên cứu và nội dung nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu, đặt hàng. Đề tài vừa có tính cấp thiết, vừa có tính lâu dài, phù hợp với đặc điểm kinh tế xã hội của địa phương.

- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng

- Phương pháp nghiên cứu là những phương pháp phổ biến, phù hợp với các nghiên cứu xã hội nhân văn và phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra.

- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu phù hợp với loại hình nghiên cứu và nội dung nghiên cứu.

- Sản phẩm khoa học và công nghệ gồm 01 bài báo khoa học, 3 báo cáo và một sản phẩm ứng dụng. Đáp ứng yêu cầu đặt hàng.

- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài, (nhân lực và cơ sở trang thiết bị): Tổ chức thực hiện là Viện Hỗ trợ phụ nữ sáng tạo và kinh tế số là phù hợp và có đủ năng lực tổ chức thực hiện nghiên cứu.

- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính: Đáp ứng được các yêu cầu nghiên cứu

4. Ủy viên: ThS. Vũ Văn Yên

a) Phần tổng quan nghiên cứu:

- Bổ sung, làm rõ hơn khoảng trống nghiên cứu riêng của tỉnh Thái Nguyên so với các địa phương khác để tăng tính Mới của đề tài;

- Bổ sung thêm số liệu thực chứng về thực trạng chuyển đổi số của phụ nữ trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn gần đây.

b) Nội dung và phương pháp nghiên cứu

Bổ sung và làm rõ hơn phương án duy trì, cập nhật và quản trị hệ thống sau khi kết thúc đề tài

c) Khả năng ứng dụng và sử dụng kết quả tạo ra:

Bổ sung xây dựng lộ trình tích hợp với các nền tảng tích hợp số, chương trình chuyển đổi số đang triển khai trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả ứng dụng

5. Ủy viên: ThS. Tạ Đức Hiện

- Về nội dung nghiên cứu: Rà soát lại các nội dung thực hiện theo từng mục tiêu nghiên cứu và bổ sung phương pháp thực hiện, mô tả công việc cần chi tiết và cụ thể hơn;

- Đề tài lựa chọn 100 mô hình kinh tế tiêu biểu đưa vào nền tảng cần mở rộng hơn để có cơ sở lựa chọn;

- Đề tài kết thúc bàn giao cho Hội phụ nữ của tỉnh là hợp lý, tuy nhiên cần làm rõ khả năng quản lý vận hành hệ thống được bàn giao và phương án nhân rộng mô hình.

- Bổ sung và làm rõ thêm phương pháp và cách tiếp cận đối với đối tượng phụ nữ thuộc hộ nghèo, cận nghèo đề tài có ý nghĩa xã hội;

- Các sản phẩm đề tài cần bổ sung và làm rõ các định lượng đánh giá, yêu cầu khoa học cần đạt được

- Dự toán kinh phí cần sửa lại định mức theo quy định mới ban hành; xem xét dự toán phần mềm xây dựng theo Quyết định số 671 ngày 26/4/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) và có báo cáo kỹ thuật kèm theo;



- Xem xét số thành viên chính tham gia thực hiện theo nội dung cho phù hợp, mỗi thành viên chính chỉ thực hiện một nội dung và không nhiều hơn các thành viên tham gia.

- Bổ sung thêm chuyên môn về Công nghệ thông tin tham gia.

6. Phó Chủ tịch Hội đồng: TS. Nguyễn Thị Thủy

- Phần tổng quan nghiên cứu còn thiên về mô tả, cần tăng hàm lượng khoa học và dẫn chứng. Một số nhận định về kinh nghiệm quốc tế, trong nước, khoảng cách số giới, tác động của AI, hiệu quả thương mại điện tử cần được bổ sung nguồn trích dẫn cụ thể, có tài liệu khoa học, báo cáo chính thống hoặc số liệu kiểm chứng. Danh mục tài liệu tham khảo hiện còn ít so với phạm vi đề tài và chưa tương xứng với nội dung tổng quan khá rộng.

- Mục tiêu cần được rà soát để phân biệt rõ mục tiêu nghiên cứu và mục tiêu triển khai ứng dụng. Hiện nay mục tiêu vừa bao gồm xây dựng cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp, vừa đặt ra yêu cầu xây dựng nền tảng, tích hợp AI, livestream, liên thông sàn thương mại điện tử. Cần diễn đạt lại theo hướng rõ hơn: mục tiêu tổng quát; mục tiêu cụ thể về nghiên cứu; mục tiêu cụ thể về sản phẩm ứng dụng; mục tiêu về thử nghiệm, đánh giá và chuyển giao.

- Cần làm rõ tính khả thi kỹ thuật của nền tảng số. Thuyết minh nêu việc liên thông với Shopee, Zalo OA, Facebook, TikTok và sử dụng API, AI tạo sinh, nhưng chưa làm rõ phạm vi tích hợp ở mức nào: chỉ gắn đường dẫn, chia sẻ dữ liệu, đồng bộ sản phẩm, hay quản lý đơn hàng đa kênh. Đây là điểm quan trọng vì tích hợp API với các nền tảng thương mại điện tử và mạng xã hội thường phụ thuộc điều kiện kỹ thuật, chính sách dữ liệu, tài khoản doanh nghiệp và quyền truy cập của từng nền tảng. Cần mô tả cụ thể kiến trúc hệ thống, phân quyền người dùng, yêu cầu bảo mật, quản trị dữ liệu, vận hành sau chuyển giao.

- Phương pháp khảo sát cần được thiết kế chặt chẽ hơn. Thuyết minh dự kiến khảo sát 100 mô hình kinh tế, nhưng cần làm rõ tiêu chí chọn mẫu, phân bố theo địa bàn, lĩnh vực, loại hình mô hình, nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ nông thôn, hợp tác xã, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nữ làm chủ. Cần có phương án bảo đảm tính đại diện, tránh chỉ chọn các mô hình đã thành công, dẫn đến kết quả đánh giá chưa phản ánh đầy đủ thực trạng.

- Cần bổ sung bộ chỉ số đánh giá hiệu quả thử nghiệm. Các chỉ tiêu như số mô hình được số hóa, số sản phẩm đưa lên nền tảng, số buổi livestream là cần thiết nhưng chưa đủ. Nên bổ sung chỉ số về số lượt truy cập, số tài khoản sử dụng, số sản phẩm được kết nối tiêu thụ, tỷ lệ người dùng vận hành thành thạo, số đơn hàng/khách hàng tiềm năng phát sinh, mức độ hài lòng của phụ nữ tham gia, khả năng duy trì nền tảng sau khi kết thúc đề tài.

- Sản phẩm “nền tảng số” cần được quy định rõ tiêu chuẩn nghiệm thu. Cần nêu rõ nền tảng gồm những module nào, ví dụ: quản lý thông tin mô hình; quản lý sản phẩm; thư viện kỹ năng số; công cụ hỗ trợ tạo nội dung bằng AI; chức năng kết nối cung - cầu; chức năng chia sẻ/livestream; trang quản trị dữ liệu; báo cáo thống kê. Đồng thời cần xác định sản phẩm bàn giao gồm mã nguồn, tài khoản quản trị, tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu hướng dẫn vận hành, phương án bảo trì và đơn vị tiếp nhận.

- Dự toán kinh phí cần rà soát kỹ tính hợp lý, hợp lệ và tương thích với nội dung nghiên cứu xã hội nhân văn. Một số khoản như thuê gói dịch vụ phần mềm AI, mua bộ thiết bị livestream, chi phí phát triển nền tảng cần được thuyết minh căn cứ tính toán, báo giá, định mức, phạm vi sử dụng, tránh trùng lặp giữa chi nghiên cứu, chi thuê dịch vụ công nghệ và chi mua sắm thiết bị. Thuyết minh hiện có khoản thuê dịch vụ AI 36 triệu đồng và mua 02 bộ thiết bị livestream 50 triệu đồng, cần giải trình rõ sự cần thiết, cơ chế quản lý, bàn giao và sử dụng sau đề tài.

- Cần rà soát văn phong, thuật ngữ và lỗi kỹ thuật trình bày. Một số chỗ còn dùng thuật ngữ tiếng Anh trong ngoặc chưa thống nhất, có đoạn diễn đạt thiên về khẩu hiệu hoặc khẳng định hiệu quả khi chưa có căn cứ kiểm chứng, ví dụ dự kiến tăng hiển thị sản phẩm, tự động hóa 80% quy trình marketing, tỷ lệ nạn nhân lừa đảo là nữ giới. Các nội dung này nên chuyển thành giả thuyết/định hướng đánh giá hoặc bổ sung nguồn số liệu chính thống./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



Tạ Đức Hiện